

ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH PHÚ YÊN

Đoàn Thị Nhiệm, Nguyễn Thị Kim Trọng, Nguyễn Thị Cúc*

TÓM TẮT

Title: Assessing urban development: A case study in Phu Yen

Từ khóa: Phát triển đô thị, vùng nông thôn, Phú Yên

Keywords: Urban development, rural area, Phu Yen

Lịch sử bài báo:

Ngày nhận bài: 28/3/2022

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 05/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/4/2022

Tác giả:

* Trường ĐH Xây dựng Miền Trung

Email:

doanthinhien@muce.edu.vn

Bài báo sử dụng dữ liệu thứ cấp từ Cục Thống kê Phú Yên để đánh giá thực trạng phát triển đô thị thông qua phân tích thống kê mô tả. Tiêu chí đánh giá dựa vào Luật quy hoạch đô thị năm 2020 quy định và các nghiên cứu trước. Các đô thị của Tỉnh phát triển hơn vùng nông thôn còn lại qua các mặt: Số doanh nghiệp, doanh thu, lợi nhuận mà doanh nghiệp tạo ra; lao động tại đô thị dồi dào thuận lợi cho tuyển dụng lao động, các dịch vụ cơ bản cung cấp cho khu vực đô thị đáp ứng được phát triển kinh tế - xã hội. Các gợi ý chính sách cho phát triển đô thị Tỉnh trong thời gian tới được nhóm tác giả đề xuất dựa vào các hạn chế hiện nay.

ABSTRACT

The report used secondary data from Phu Yen Statistics Department to evaluate the urban development situation, through descriptive statistical analysis. The criteria are based on Law on Urban Planning 2020 and previous research. The province's urban areas are more developed than the rest of the rural areas in the following aspects: the number of businesses, revenue, and profits generated by businesses; the workforce in urban areas is numerous, which is an advantage for labor recruitment, basic services provided to urban areas to meet socio-economic development. Policy suggestions for the province's urban development in the future are also proposed by the authors based on current limitations.

1. Giới thiệu

Để tạo ra bước đột phá cho phát triển kinh tế địa phương cần có các đầu tàu kinh tế đó là các đô thị, các đô thị giúp phát triển các vùng lân cận và đưa địa phương đó phát triển. Việc phát triển đô thị giúp phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, tạo vành đai nông nghiệp hiện đại ở các thành phố lớn, giúp đô thị đi đầu trong việc phát triển kinh tế tri thức. Ngoài ra, các đô thị còn là trung tâm hành chính, văn hoá trên toàn vùng và địa phương.

Phú Yên là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 5.023 km², có bờ biển dài 189km (Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, 2020). Phú Yên là một trong những địa phương có điều kiện phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao, khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch. Khu kinh tế Nam Phú Yên thuận lợi cho phát triển thương mại, cảng biển, lọc hóa dầu, hóa chất và các khu đóng tàu, sửa chữa tàu biển.

Tỉnh Phú Yên hiện có 9 đô thị gồm: Thành phố Tuy Hòa là đô thị loại II, thị xã Sông Cầu đô thị loại III, thị xã Đông Hòa đô thị loại IV và 6 đô thị loại V gồm thị trấn La Hai, thị trấn Hai Riêng, thị trấn Củng Sơn, thị trấn Phú Hòa, thị trấn Phú Thứ và thị trấn Chí Thạnh. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh năm 2005 là 20,54%; năm 2009 hơn 23%; năm 2019 là 32,53% và đến năm 2020 là 38,5% (Thủy Tiên, 2020). Tuy nhiên, đối với từng tiểu vùng và từng trục phát triển đô thị thì tỉ lệ đô thị hóa có sự khác biệt khá rõ rệt. Trục có tốc độ đô thị hóa cao là những đô thị dọc theo quốc lộ 1 gồm Sông Cầu, Chí Thạnh, Tuy Hòa, Đông Hòa. Các vùng có tốc độ đô thị phát triển chưa mạnh là những thị trấn mới được hình thành, các thị trấn có vị trí địa lý thuộc huyện miền núi, vùng trung du như Phú Hòa, Sơn Hòa, Tây Hòa,...

Để phát huy vai trò là đầu tàu kinh tế của mình, chính quyền các đô thị cần có quy hoạch phát triển chúng phù hợp với thực trạng phát triển của từng đô thị hay cụm đô thị. Nhằm giúp các đô thị của tỉnh Phú Yên phát huy vai trò của chúng, rất cần đến một nghiên cứu đánh giá thực trạng từ đó tìm ra các giải pháp cho phát triển kinh tế - xã hội tại các đô thị. Tuy nhiên, hiện chưa có một nghiên cứu chuyên sâu về phát triển đô thị tại Phú Yên dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể. Do vậy, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu: “*Đánh giá phát triển đô thị: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Phú Yên*”. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng đưa ra các gợi ý cho vấn đề phát triển đô thị tại Phú Yên.

2. Cơ sở lý thuyết

a. Khái niệm đô thị và phát triển đô thị

Theo Luật quy hoạch đô thị: *Đô thị* là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính

trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn (Quốc hội Việt Nam, 2020).

Phát triển đô thị chính là sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, môi trường và xã hội với mục tiêu cuối cùng là đời sống cư dân đô thị phải khá giả hơn, cuộc sống tiện nghi và hạnh phúc hơn. Đồng thời đô thị là đầu tàu để kéo các vùng kinh tế khác phát triển.

b. Tiêu chí đánh giá phát triển đô thị

Để so sánh sự phát triển giữa các đô thị, hay sự phát triển một đô thị theo thời gian ta cần có các tiêu chí để đo lường sự phát triển.

Ngân hàng Thế giới (2011) đã phân tích quá trình phát triển của hệ thống đô thị tại Việt Nam trên 5 phương diện: Hành chính; dân số; kinh tế; không gian; và đời sống (phúc lợi). Các dịch vụ cơ bản được phân tích gồm: (1) Dịch vụ đô thị cơ bản: Điện, nước, giáo dục phổ thông; Điều kiện tiếp cận dịch vụ vệ sinh: Thu gom xử lý nước thải, gia đình có nhà vệ sinh. (2) Cung cấp tài chính cho các dịch vụ công ích: Nguồn thu của đô thị từ thuế, ngân sách trung ương, nguồn thu địa phương.

Nguyễn Thị Hoài Phương (2019) phân tích quá trình đô thị hóa qua các chỉ tiêu: Mở rộng mạng lưới đô thị; Sự gia tăng dân số, mật độ dân số; Quy mô dân số đô thị và tỷ lệ dân số đô thị; Chuyển dịch đất nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa.

Đoàn Kim Thắng (2015) cho rằng: Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, để bảo đảm những điều kiện cho sự phát triển bền vững các đô thị, bên cạnh việc tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng về kinh tế, bảo vệ môi

trường, cần chú ý tới các yếu tố xã hội, đó là: (1) Tăng khả năng và cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản (chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm), đáp ứng các nhu cầu cơ bản của nhóm người nghèo và thu nhập thấp; (2) Tăng cường sự tham gia của người dân và của cộng đồng vào quản lý và phát triển đô thị và (3) tăng cường về mặt thể chế các quá trình địa phương.

Thông qua khái niệm phát triển đô thị, cộng với các nghiên cứu trước có liên quan, các tiêu chí để đo lường sự phát triển đô thị thường được sử dụng đó là: Quản lý đất đai; sự thay đổi dân số, lao động; phát triển hạ tầng; dịch vụ cung cấp cho đô thị, thu nhập, mức sống,... Đánh giá các tiêu chí này qua so sánh giữa vùng đô thị và vùng nông thôn của Tỉnh.

c. Tiêu chí phân loại đô thị

Theo Nghị quyết phân loại đô thị (2020): Đô thị được phân thành 6 loại gồm loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V theo các tiêu chí cơ bản sau đây: (1) Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị; (2) Quy mô dân số; (3) Mật độ dân số; (4) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và (5) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng.

Đối với thành phố trực thuộc trung ương được phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại đặc biệt hoặc đô thị loại I. Thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được phân loại theo tiêu chí đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III. Thị xã được phân loại theo tiêu chí đô thị loại III hoặc loại IV. Thị trấn được phân loại theo tiêu chí đô thị loại IV hoặc loại V. Khu vực dự kiến hình thành đô thị trong tương lai được phân loại theo tiêu chí loại đô thị tương ứng (Ủy ban thường vụ Quốc hội, 2016).

Việc phân loại đô thị được thực hiện trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị quốc gia, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị để quản lý phát triển đô thị, bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng đạt tiêu chí của loại đô thị nào thì được xem xét, đánh giá theo loại đô thị tương ứng. Việc phân loại đô thị được thực hiện bằng phương pháp tính điểm. Điểm phân loại đô thị là tổng số điểm đạt được của các tiêu chí (Ủy ban thường vụ Quốc hội, 2016).

3. Phương pháp nghiên cứu

Thống kê mô tả là phương pháp sử dụng trong bài viết này, các tiêu chí đánh giá phát triển đô thị đã được trình bày tại nội dung 2b và tiêu chí do Luật quy hoạch đô thị năm 2020 quy định đã được trình bày tại nội dung 2c. Dữ liệu để phân tích là dữ liệu thứ cấp chủ yếu lấy nguồn từ Cục Thống kê Phú Yên được công bố mới nhất (năm 2019).

Giới hạn nghiên cứu: Dữ liệu từ Cục Thống kê Phú Yên không chi tiết đến đô thị loại V. Ngoài ra, nhóm đô thị loại V đóng góp nhỏ trong việc lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực lân cận quanh chúng. Từ đó, bài viết này đánh giá các đô thị từ loại I đến loại IV, loại V không được đánh giá trong thực trạng phát triển và phần gợi ý chính sách.

4. Thực trạng phát triển đô thị tỉnh Phú Yên

a. Thực trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất tỉnh Phú Yên là 502.342 ha, với nhiều loại đất khác nhau từ đồng bằng, đất ven biển đến vùng núi.

Bảng 1. Diện tích đất tỉnh Phú Yên phân theo mục đích sử dụng năm 2019

ĐVT: Ha

Phân loại	Tổng	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở	Đất chưa sử dụng
Toàn tỉnh	502.342	155.638	255.472	30.282	5.500	55.450
Đô thị	86.995	19.792	42.111	6.449	2.008	16.635
Tỷ lệ đô thị (%)	17,3	12,7	16,5	21,3	36,5	30

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

Tỉnh Phú Yên có đất lâm nghiệp chiếm diện tích lớn nhất trong tổng quỹ đất. Đối với khu vực thành thị diện tích nhiều nhất vẫn là đất lâm nghiệp. Nếu xét theo tỷ lệ với toàn Tỉnh thì đất ở chiếm diện tích lớn nhất so với các mục đích khác. Vấn đề này rất hợp lý vì dân số đô thị tập trung đông đúc, nơi đặt văn phòng của doanh nghiệp (DN), cơ quan công quyền. Vì diện tích đất ở đô thị ít nên họ không ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp. Quỹ đất chưa sử dụng của

Tỉnh nói chung và của đô thị nói riêng còn lớn, tuy nhiên đất này chủ yếu là đất đồi núi, núi đá nên khó sử dụng vào mục đích ở hay chuyên dùng.

b. Thực trạng dân số

Tổng diện tích đất đô thị chiếm 17,3% nhưng lại chiếm 42,4% dân số, vì vậy mật độ dân số đô thị là 426 người/km² gấp 2,4 lần so với mật độ toàn Tỉnh.

Bảng 2. Dân số, mật độ dân số tỉnh Phú Yên năm 2019

Phân loại	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
Toàn tỉnh	5.023	873.164	174
Đô thị	870	370.482	426
Tỷ lệ đô thị (%)	17,3	42,4	
Trong đó:			
Đô thị loại I	111	155.957	1.410
Đô thị loại III	493	99.455	202
Đô thị loại IV	266	115.070	433

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

Trong đó, mật độ của đô thị Tuy Hòa là cao nhất, tiếp theo là đô thị Đông Hòa và cuối cùng là đô thị Sông Cầu. Mặc dù, Sông Cầu là đô thị loại III cao hơn đô thị loại IV Đông Hòa nhưng do diện tích Sông Cầu lớn và dân số ít hơn nên mật độ cũng ít theo.

Mật độ dân số thấp là điều kiện để đảm bảo về môi trường sống, không gian xanh nhưng lại không thuận lợi cho phát triển đô thị khi các thị trường đầu ra khó phát triển vì số người mua nhỏ.

c. Tình trạng lao động

Nguồn lao động là một trong 3 nguồn lực chính phục vụ cho quá trình sản xuất, cùng với dân số đông dẫn đến số lao động

trên 15 tuổi của khu vực đô thị chiếm khoảng 30% so với toàn tỉnh.

Bảng 3. Thực trạng lao động tỉnh Phú Yên năm 2019

<i>Tiêu chí phân loại</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Thành thị</i>	<i>Nông thôn</i>	<i>Toàn tỉnh</i>
Lực lượng lao động trên 15 tuổi	Người	136.340	384.760	521.100
Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc	Người	131.990	378.140	510.130
Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo	%	18,84	13,09	16,21
Tỷ lệ thất nghiệp	%	3,27	1,77	2,17

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

Bên cạnh số lượng thì chất lượng lao động là cần thiết cho nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, lao động đã qua đào tạo tại địa phương thấp chỉ đạt 16,21%; tỷ lệ này của đô thị cao hơn đạt 18,84% nhưng vẫn ở mức thấp. Nguồn lao động dồi dào là nguồn lực cho phát triển nhưng lao động phải có việc làm còn thất nghiệp sẽ mang tới gánh nặng cho người lao động và cho xã hội. Trong khi đó, tại đô thị tỷ lệ thất nghiệp cao hơn trung bình toàn tỉnh và cao hơn vùng nông thôn. Lý do dẫn đến thất nghiệp đô thị là: Công việc tại đô thị lại cần trình độ chuyên môn cao nên người lao động khó đáp ứng dẫn đến họ không tìm được việc làm.

d. Thực trạng doanh nghiệp và vốn đầu tư

Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Tỉnh đến năm 2019 là 2.058 DN, thì có đến 1.487 DN đóng trên địa bàn đô thị. Các tiêu chí: Vốn sản xuất, doanh thu

thuần và lợi nhuận trước thuế vùng đô thị đều cao hơn so với vùng nông thôn của Tỉnh, dữ liệu bảng 4 chứng minh nhận định trên. Như vậy, đóng góp của DN từ khu vực đô thị vào sự phát triển kinh tế của Tỉnh là rất lớn. Một chỉ tiêu quan trọng trong phân tích kinh doanh là tỷ suất lợi nhuận/doanh thu, chỉ số này càng cao nghĩa là lãi càng lớn. Tuy nhiên, giá trị tỷ suất lợi nhuận/doanh thu của vùng đô thị (2,9%) lại thấp hơn vùng nông thôn (4%) và trung bình toàn Tỉnh (3,1%). Điều này, cho chúng ta thấy phần lợi nhuận mang về với cùng mức doanh thu của đô thị là thấp. Tình trạng này là do các doanh nghiệp ở đô thị có quy mô lớn nên chi phí đầu tư cao, chi phí nhân công và các loại chi phí khác cao hơn vùng nông thôn.

Bảng 4. Tình hình hoạt động của DN tỉnh Phú Yên năm 2019

<i>Chỉ tiêu của doanh nghiệp</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Thành thị</i>	<i>Nông thôn</i>	<i>Toàn tỉnh</i>
Số DN đang hoạt động	DN	1.487	571	2.058
Vốn sản xuất kinh doanh của DN	Tỷ đồng	28.948	7.103	36.051
Doanh thu thuần của DN	Tỷ đồng	29.074	6.538	35.612
Lợi nhuận trước thuế của DN	Tỷ đồng	835	261	1.096
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần	%	2,9	4	3,1

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

e. Thực trạng cung cấp dịch vụ cho đô thị

- Giao thông: Phú Yên có đầy đủ, đồng bộ các loại hình giao thông vận tải từ đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển. Trên địa bàn tỉnh có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua, Quốc lộ 25 nối Gia Lai, Quốc lộ 29 nối Đắk Lắk, đặc biệt là tuyến đường ven biển nối TP. Tuy Hoà với Khu kinh tế Vũng Rô vừa được đầu tư. Các tuyến đường này trong thời gian qua đã được nâng cấp và mở rộng, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá, rút ngắn thời gian đi lại.

Vùng đô thị Phú Yên có các công trình giao thông huyết mạch của Tỉnh gồm: Sân bay, nhà ga, cảng Vũng Rô, 2 hầm đường bộ là 2 đầu giao thông đi vào – đi ra của Tỉnh, với tuyến quốc lộ 1 nối liền Bắc – Nam. Như vậy, hệ thống giao thông khu vực đô thị nói riêng và toàn Tỉnh nói chung thuận lợi cho trao đổi hàng hóa, đi lại để phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, tình trạng thiếu đồng bộ trong phát triển hạ tầng kỹ thuật, thiếu đồng bộ trong quy hoạch diễn ra phổ biến. Chủ đầu tư dự án giao thông chỉ lo thi công đường, chủ đầu tư dự án cấp nước lo thi công hệ thống cấp nước; mỗi đơn vị được bố trí nguồn vốn và thời gian thực hiện khác nhau, mà thiếu sự phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các dự án đã gây ra sự lãng phí rất lớn, ảnh hưởng đến việc đi lại, chất lượng đường xá bị xấu đi nghiêm trọng. Ngoài ra, các dự án bị chậm tiến độ xảy ra

nhiều dẫn đến giao thông chưa thông suốt, đội vốn cho dự án nguyên nhân khiến các dự án chậm tiến độ chủ yếu là do vướng trong giải phóng mặt bằng (Thủy Tiên, 2020b).

- Điện: Tỉnh có thủy điện Sông Hinh kết nối với hệ thống truyền tải điện 500 kV của quốc gia. Hệ thống điện đã đến tất cả các hộ, các cơ sở sản xuất kinh doanh của các vùng đô thị, phục vụ đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đô thị tỉnh Phú Yên.

- Nước: Theo số liệu từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Phú Yên, Công ty đảm bảo cung cấp đầy đủ cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, trong các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, cơ quan, trường học, bệnh viện,... Trên địa bàn các khu đô thị hiện có khoảng 32.000 hộ sử dụng nước máy, đạt tỷ lệ cấp nước máy đô thị trong vùng phục vụ là: 87,5%. Với dịch vụ cung cấp nước đầy đủ là điều kiện tốt để phát triển kinh tế đô thị.

- Điện thoại, internet: Điện thoại, internet là các dịch vụ cơ bản của đời sống đồng thời cung cấp nhu cầu cho sản xuất, thương mại. Dữ liệu bảng 5 cho thấy: Tỷ lệ số người sử dụng điện thoại và internet vùng đô thị của Tỉnh lần lượt là 92,3% và 91,5%. Như vậy, tỷ lệ sử dụng 2 loại dịch vụ này là rất cao, cao hơn nhiều so với trung bình toàn tỉnh và khu vực nông thôn.

Bảng 5. Tình hình cung cấp các loại dịch vụ cơ bản của tỉnh Phú Yên năm 2019

<i>Chỉ tiêu dịch vụ cung cấp cho đô thị</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Thành thị</i>	<i>Nông thôn</i>	<i>Toàn tỉnh</i>
Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	%	92,3	75,6	80,4
Tỷ lệ người sử dụng internet	%	91,5	55,7	66
Số cơ sở y tế (bệnh viện, phòng khám, trạm y tế)	Cơ sở	54	79	133
Số giường bệnh	Giường	1.608	913	2.521
Số nhân lực y tế ngành y	Người	1.704	1.001	2.705
Số nhân lực y tế ngành dược	Người	816	120	936

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

- Y tế: Dịch vụ y tế là dịch vụ thiết yếu phục vụ sức khỏe người dân. Với số cơ sở y tế là 54 của đô thị so với 79 cơ sở của vùng nông thôn, nhưng quy mô của các cơ sở y tế vùng đô thị lớn hơn rất nhiều. 54 cơ sở này là các bệnh viện lớn, trung tâm chăm sóc sức khỏe, phòng khám uy tín. Trong khi 79 cơ sở ở vùng nông thôn chủ yếu là các trạm y tế xã hoặc bệnh viện tuyến huyện. Về số lượng giường bệnh, số nhân lực ngành y và ngành dược các khu đô thị vượt trội hơn hẳn, dữ liệu cho thấy điều kiện chăm sóc sức khỏe của khu vực đô thị tốt hơn.

- Giáo dục: Giáo dục phổ thông và dạy nghề là các đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục cho người dân. Cơ sở giáo dục gần nơi cư trú là điều kiện tốt để người dân có thể thuận tiện tham gia học tập. Với 92 trường phổ thông và 7 trường Cao đẳng - Đại học đóng trên địa bàn cấp dịch vụ giáo dục phổ thông và dạy nghề cho người dân nếu lựa chọn học tại địa phương. Sinh viên tốt nghiệp tại Phú Yên là nguồn lao động chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong và ngoài Tỉnh.

Bảng 6. Số trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2019

Loại cơ sở giáo dục	ĐVT: Trường		
	Thành thị	Nông thôn	Toàn tỉnh
Số trường mầm non	52	76	128
Số trường học phổ thông	92	143	235
Số trường cao đẳng, đại học	7	0	7

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Yên năm 2019

- Mặt bằng sản xuất: Đối với các doanh nghiệp cần diện tích đất lớn, quy trình sản xuất gây ô nhiễm thì rất cần mặt bằng tại các khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp. Việc cung cấp đất tại các khu công nghiệp là

giải pháp tốt cho các doanh nghiệp cần nhiều đất sản xuất. Các khu công nghiệp đang hoạt động của Tỉnh gồm có: Khu công nghiệp Hoà Hiệp (174 ha); khu công nghiệp An Phú (68 ha) và khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu (186 ha) tất cả đều nằm trên địa bàn của 3 khu đô thị tỉnh Phú Yên. Tổng diện tích của 3 khu công nghiệp là 428 ha, trong đó diện tích đất chưa có dự án là 138 ha (Ngô Xuân, 2021). Vậy diện tích đất còn trống tại các khu công nghiệp điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có nhu cầu thuê để đặt nhà máy sản xuất.

- Dịch vụ công ích khác: Công trình thể dục thể thao công cộng, nhà ở giá rẻ cho công nhân, nhà dưỡng lão,... là các công trình phục vụ nhu cầu chung cho con người và người có thu nhập thấp, gia đình neo đơn hiện các đô thị chưa cung cấp các dịch vụ trên. Dịch vụ bắt buộc của đô thị loại II là nhà hỏa táng thì đến nay đô thị Tuy Hòa vẫn chưa có dịch vụ này.

f. Thu nhập và mức sống

Theo số liệu Niên giám thống kê năm 2019, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Phú Yên đạt 49,33 triệu đồng/người/năm (theo giá hiện hành). Trong đó, đô thị Đông Hòa và Tuy Hòa có thu nhập bình quân đạt 56 triệu đồng/người/năm, mức cao bình quân toàn tỉnh, trong khi mức thu nhập người dân ở đô thị Sông Cầu ngang bằng với bình quân của toàn tỉnh. Cùng với mức thu nhập cao, mức sống của người dân tại các đô thị cũng cao hơn vùng còn lại.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Đánh giá thực trạng phát triển của các đô thị tại Phú Yên cho thấy: Quỹ đất ở của đô thị lớn. Điều này sẽ thuận lợi cho phát triển nhà ở, đặt văn phòng. Tuy nhiên, vẫn còn số lượng lớn đất chưa sử dụng là điểm mạnh cho đô thị khi cần diện tích đất để xây

dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đô thị hóa gắn liền với gia tăng dân số và mật độ dân số, điều này cũng đúng cho trường hợp của tỉnh Phú Yên. Lực lượng lao động tại đô thị dồi dào thuận lợi cho các doanh nghiệp tuyển dụng khi cần đến lao động. Bên cạnh đó, nhược điểm là lực lượng lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn và tỷ lệ thất nghiệp tại đô thị còn cao hơn so với toàn Tỉnh. Doanh nghiệp tại các đô thị chiếm số lượng rất lớn so với vùng nông thôn từ đó đóng góp của họ về doanh thu và lợi nhuận cũng rất lớn, thực trạng này giống xu hướng chung các đô thị Việt Nam và thế giới. Các dịch vụ cung cấp cho đô thị từ cung cấp nhu cầu thiết yếu cho dân chúng đến cung cấp môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp hiện đang tốt hơn trung bình toàn Tỉnh. Tuy nhiên vẫn còn một số dịch vụ chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển như: Các dự án bị chậm tiến độ, nhà giá rẻ cho công nhân, dịch vụ nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà dưỡng lão, nhà hỏa táng.

Về dịch vụ: Công trình thể dục thể thao công cộng, nhà ở giá rẻ cho công nhân, nhà dưỡng lão,... là các công trình phục vụ nhu cầu chung cho con người và người có thu nhập thấp, gia đình neo đơn hiện các đô thị chưa cung cấp các dịch vụ trên. Dịch vụ bắt buộc của đô thị loại II là nhà hỏa táng thì đến nay đô thị Tuy Hòa vẫn chưa có dịch vụ này.

Để đô thị của Tỉnh phát triển trong thời gian tới chính quyền cần tập trung các công việc sau:

Một là, với quỹ đất chưa sử dụng (16.635 ha) cần đưa vào quy hoạch để sử dụng cho công trình công ích gồm: Nhà dưỡng lão và nhà hỏa táng. Vì nhà dưỡng lão và nhà hỏa táng là điều kiện bắt buộc phải có của đô thị loại II, trong khi Tuy Hòa đã là đô thị loại II mà vẫn chưa có nhà

hỏa táng. Nguồn vốn các công trình này nên là nhà nước và tư nhân cùng làm, trong khi nhà nước chưa có đủ nguồn vốn để xây dựng.

Hai là, với tỷ lệ 18,84 % lao động đang làm việc đã qua đào tạo, để nâng cao tỷ lệ đào tạo cần: Cho người lao động được qua các khóa đào tạo bài bản tại các trường hoặc doanh nghiệp tự đào tạo, thì doanh nghiệp cần thống kê kiến thức cần bổ trợ, số lượng lao động cần đào tạo, nơi tổ chức đào tạo, kinh phí từ đó có thực hiện việc đào tạo hiệu quả. Với 7 trường Cao đẳng - Đại học đào tạo đa ngành nghề là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp lựa chọn đào tạo từ trình độ công nhân đến lao động chất lượng cao của mình với chi phí thấp, không mất nhiều thời gian của lao động.

Ba là, quy hoạch giao thông, các khu kinh tế tại các đô thị cần đồng bộ từ các bên gồm: Thi công, viễn thông, cấp thoát nước, hệ thống điện tránh tình trạng chông chéo như thời gian qua. Nhà nước và người dân cần tìm ra tiếng nói chung trong giá đền bù giải phóng mặt bằng, cộng các điều khoản khác để các công trình không bị chậm tiến độ.

Bốn là, quảng bá lợi thế về các điều kiện thuận lợi về đầu tư: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, diện tích trống tại các khu công nghiệp để cho các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và cả doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư. Hiện tại với 138 ha đất chưa có dự án tại 3 khu công nghiệp của Tỉnh là điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp tại các đô thị.

Ngoài các kết quả đã chỉ ra, bài báo có hạn chế là chưa đưa ra được dữ liệu theo chuỗi thời gian để đánh giá sự phát triển đô thị trong từng giai đoạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Công ty cổ phần cấp thoát nước Phú Yên, <http://capthoatnuocpy.com.vn>
- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2020), Cổng thông tin điện tử: <https://phuyen.gov.vn/wps/portal/home/trang-chu/chi-tiet/gioi-thieu/gioi-thieu-chung>, truy cập ngày 20/5/2021.
- Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2019*, NXB Thống Kê. Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới (2011), *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam - Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật*.
- Nguyễn Thị Hoài Phương (2019), Vài nét đặc trưng đô thị hóa tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000-2015, *Tạp chí Khoa học Quốc tế AGU*, No. 23 (2), tr. 1-12.
- Quốc hội Việt Nam (2020), *Luật quy hoạch đô thị*, Hà Nội.
- Thủy Tiên (2020a), Đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, *Báo Phú Yên online*, <http://www.baophuyen.com.vn/82/249118/day-manh-phat-trien-do-thi-tren-dia-ban-tinh.html>, truy cập ngày 15/4/2021.
- Thủy Tiên (2020b), Tập trung tháo gỡ vướng mắc, đảm bảo tiến độ các dự án, *Báo Phú Yên online*, <http://www.baophuyen.com.vn/82/244979/tap-trung-thao-go-vuong-mac-dam-bao-tien-do-cac-du-an.html>, truy cập ngày 20/4/2021.
- Đoàn Kim Thắng (2015), Các chiều cạnh xã hội của phát triển bền vững đô thị trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, *Tạp chí Xã hội học*, số 4 (132), 97-104.
- Ngô Xuân (2021), Ban quản Khu Kinh tế Phú Yên nỗ lực hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư. *Báo Phú Yên online*, <http://www.baophuyen.com.vn/82/252813/ban-quan-ly-khu-kinh-te-phuyen-no-luc-hoan-thien-ha-tang-thu-hut-dau-tu.html>, truy cập ngày 10/3/2021.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2018), *Chương trình phát triển đô thị thị xã Sông Cầu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Phú Yên.
- Ủy ban thường vụ Quốc hội (2016), *Nghị quyết về phân loại đô thị*, Hà Nội.
- Thomas Lützkendorf và Maria Balouktsi (2017), Assessing a Sustainable Urban Development: Typology of Indicators and Sources of Information, *Procedia Environmental Science*, Vol. 38, 546-553.